

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131a/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2021

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Long

2. Bà Phạm Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh

B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải

- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 24/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2021 về “tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐXX-ST ngày 23/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2021/QĐ-ST ngày 08/9/2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị H, sinh năm: 1996. (vắng mặt)

ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Hà Phú 2, xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh B.

***Bị đơn:** Anh Bùi Văn C, sinh năm: 1989. (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đông, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh B.

(Hiện đang lao động tại nước ngoài)

Địa chỉ cuối cùng của anh Bùi Văn C tại Việt Nam là thôn Đông, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 16/7/2021, nguyên

đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Chị và anh Bùi Văn C đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh B ngày 12/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, từ năm 2020 thì chị và anh C hay phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, anh C đối xử với chị thiếu tôn trọng. Đến tháng 10/2020 thì anh C đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, kể từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn C.

-Về con chung: Vợ chồng chị chưa có con chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

Ngoài ra chị H còn trình bày: Hiện nay anh C vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài chị không cung cấp cho Tòa án được vì đã lâu chị không liên lạc được với anh C, anh C vẫn liên lạc về cho bố mẹ để anh C là ông Bùi Văn Nh và bà Nguyễn Thị Thái; trú tại: Thôn Đông, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh B nhưng ông Nh, bà Thái cũng không cung cấp địa chỉ cho chị biết nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh C được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh C.

Bị đơn anh Bùi Văn C không có bản tự khai.

Ngày 21/7/2021 và ngày 05/8/2021 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh C là ông Bùi Văn Nh; trú tại: Thôn Đông, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông Nh thông báo cho anh C biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Vũ Thị H và anh Bùi Văn C; yêu cầu anh C viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông Nh cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc ông Nh vẫn giữ nguyên quan điểm là anh C ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh C, đồng thời ông

cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh C biết để anh C gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh C gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Bùi Văn C vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh C là ông Bùi Văn Nh và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Vũ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh C không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh C; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh Bùi Văn C là đúng.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; Điều 150 BLTTDS; khoản 1,3 Điều 479 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Bùi Văn C.

Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Chị Vũ Thị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Vũ Thị H.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn C vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh C là ông Bùi Văn Nh để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Nh thông báo cho anh C biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Vũ Thị H và anh Bùi Văn C; Yêu cầu anh C viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông Nh cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài. Ông Bùi Văn Nh trình bày: Anh C ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông Nh vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh C cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh C biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Văn C theo thủ tục chung.

[2]. **Về thẩm quyền:** Chị Vũ Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly anh Bùi Văn C, anh C hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 16722/QLXNC-P5 ngày 26/7/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh C đã xuất nhập cảnh 09 lần, xuất cảnh lần gần nhất là ngày 26/10/2020 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, địa chỉ cuối cùng của anh C ở Việt Nam là: Thôn Đông, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. **Về quan hệ Hôn nhân:** Chị Vũ Thị H và Bùi Văn C kết hôn ngày 12/7/2019 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, từ năm 2020 thì chị và anh C hay phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, anh C đối xử với chị thiếu tôn trọng. Đến tháng 10/2020 thì anh C đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, kể từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn C.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị H. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh C chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã lẫn nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 10/2020 thì anh C đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, vợ chồng đã sống ly thân nhau và đã cắt đứt liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Xử cho Vũ Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn C.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Vũ Thị H và anh Bùi Văn C không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; khoản 1 và khoản 3 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn C.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000082 ngày 20/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Vũ Thị H đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Bùi Văn C hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Bảo Đ, Lục Nam.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Long Phạm Thị Tuyết Trinh

Trần Thị Hà

